TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-10-2019
"V/v Ly hôn giữa chị T và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn To

2. Ông Trần Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1992

Địa chỉ cư trú: Số 28, ấp 2, xã N, huyện , tỉnh Long An (Vắng mặt – Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Số 251, ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/02/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 2014, chị và anh Nguyễn Chí T đã xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2014. Sau khi cưới, vợ chồng về sống bên gia đình chồng tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình và thường xuyên đánh đập chị. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí T1, sinh ngày 12/6/2014, hiện cháu T1 đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Chí T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống, chị và anh T không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định cho anh Nguyễn Chí T nhưng anh T không thể hiện ý kiến cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Chị Võ Thị Bích T và anh Nguyễn Chí T đã không còn chung sống với nhau trong thời gian dài và kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập nhiều lần để các đương sự hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, từ đó cho thấy anh T cũng không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: Xét cần giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/6/2014 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: Do chị T không tranh chấp về tài sản chung và xác định vợ chồng không có nợ chung nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Võ Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Chí T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt; Ngày 13/8/2019, nguyên đơn chị Võ Thị Bích T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị T.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Võ Thị Bích T xin ly hôn với anh Nguyễn Chí T, thấy rằng: Chị T và anh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2014 (Giấy đăng ký số 30/2014, Quyển số 01/2014) nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp. Theo chị T, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm với gia đình và còn đánh đập chị, chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Hơn nữa, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho anh T các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, anh T đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị T. Từ đó, cho thấy anh T cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của chị T cùng các chứng cứ do chị T cung cấp thì chị T và anh T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/6/2014. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1. Xét thấy, hiện cháu T1 đang sống với chị T, cuộc sống đã ổn định, khả năng chị T có thể chăm sóc con chung tốt. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu nên giao cháu Nguyễn Chí T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản: Chị T trình bày không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Chị T xác định chị và anh T không có nợ chung.

[4] Về án phí: Chị Võ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích T về việc "ly hôn" với anh Nguyễn Chí T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Bích T và anh Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 12/6/2014 cho chị Võ Thị Bích T được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, Toà án có thể ra quyết định thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng khi có yêu cầu của một hoặc hai bên.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Bích T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005064 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã N;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy